

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 2A/2021/DS-ST

Ngày: 28 - 01 - 2021

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nhựt;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà H Thị Xoan;

2/ Ông Lê Đức Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST - DS ngày 31/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm: 1969;

Trú tại: 181 tổ 07 thôn XT, xã LL, huyện ĐD, L.

Bị đơn: Vợ chồng bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1969; ông **Nguyễn H (Nguyễn Văn H)**, sinh năm: 1968;

Trú tại: số 118 Thôn LT xã LL, huyện ĐD, L.

(Bà L có mặt, ông H bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà với vợ chồng bà T ông H có quan hệ thông gia nên vào năm 2019 bà T có vay tiền của bà về lo việc gia đình. Cụ thể bà cho bà T vay hai lần tiền, lần đầu ngày 15/9/2019 vay 294.000.000đ, lần sau ngày 24/10/2019 vay thêm 38.000.000đ và có viết giấy tay hẹn 12 ngày sau sẽ trả. Nhưng đến thời hạn trả nợ bà có đến nhà gặp ông H bà T thì ông H bà T hứa bán cà chua sẽ trả. Nhưng từ đó đến nay không trả nên bà khởi kiện vợ chồng bà T ông H đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T ông H phải trả cho bà số tiền 332.000.000đ, bà cho rằng số tiền vay trên bà T vay lo công việc gia đình, ông H là chồng bà T và có biết việc vay tiền này nên ông H cũng phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà T trả cho bà số tiền 332.000.000đ đã vay. Ngoài yêu cầu trên bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 29/5/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2020:

Bà T thừa nhận có vay của bà L số tiền 115.000.000đ nhưng không phải vay một lần mà vay thành nhiều lần, sau đó bà L cộng tiền lãi đến ngày 24/10/2020 và bắt bà viết giấy vay 332.000.000đ, tiền lãi theo bà là 3.000đ/1 triệu/ngày, thời điểm bà vay tiền của

bà L từ tháng 11 năm 2018. Bà cho rằng số tiền này bà vay chồng bà ông H không biết nên bà chấp nhận trả dần số tiền 300.000.000đ còn 32.000.000đ bà xin bà L bớt cho bà. Bản thân bà tự vay tự chịu trách nhiệm, đề nghị Tòa án không đưa chồng bà vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa bà T, ông H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; riêng bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H (Nguyễn Văn H) không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L; buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền vay 332.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐD theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông H bà T là đủ.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

Xuất phát từ việc vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L với bà Nguyễn Thị T theo giấy vay tiền ngày 24/10/2019 vay số tiền 332.000.000đ hạn 12 ngày sau sẽ trả số tiền vay, nguyên đơn cũng xác định số tiền vay trên do bị đơn bà T vay hai lần vào ngày 15/9/2019 và ngày 24/10/2019, khi vay tiền bị đơn nói để về lo công việc gia đình nên nguyên đơn đã cho bị đơn vay, tuy nhiên do phía bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện vợ chồng bị đơn phải liên đới trả số tiền vay là 332.000.000đ vì số tiền vay trên xuất phát trong thời gian ông H bà T là vợ chồng hợp pháp, bà T vay tiền về để lo công việc gia đình.

Quá trình điều tra bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn tuy nhiên số tiền vay không đúng như số tiền nguyên đơn khởi kiện và số tiền vay của nguyên đơn là vay nhiều lần, cụ thể ngày tháng vay không nhớ nhưng đến ngày 24/10/2019 bà và nguyên đơn có chốt lại số nợ và bà đồng ý viết lại giấy vay tiền cho nguyên đơn. Bà đồng ý trả dần cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đ nhưng đề nghị không xem xét nghĩa vụ trả nợ của chồng bà là ông Nguyễn H, bà tự vay tự chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình điều tra bị đơn ông Nguyễn H luôn vắng mặt không có ý kiến gì đối với vấn đề vay của bà T và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vì vậy giữa các bên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu bị đơn vợ chồng bà T ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay 332.000.000đ, căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp do bà Nguyễn Thị T viết vay vào ngày 24/10/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần nhưng số tiền vay là 115.000.000đ và đến ngày 24/10/2019 bà có chốt lại số nợ với nguyên đơn và viết lại giấy vay tiền 332.000.000đ là nguyên đơn cộng cả tiền lãi. Tuy nhiên bà T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh bà vay số tiền 115.000.000đ tiền gốc và 217.000.000đ là số tiền lãi và lãi được tính từ ngày tháng nào đến ngày tháng nào để ra số tiền lãi 217.000.000đ. Như vậy, việc bị đơn bà Nguyễn Thị T đã vay của nguyên đơn bà L là có thật.

Xét hiện nay bị đơn bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H là vợ chồng, số tiền vay trên tuy ông H không trực tiếp ký vay với nguyên đơn nhưng bà T là người thừa nhận có vay, bà vay tiền của nguyên đơn về để lo công việc chung trong gia đình, bà T là người lo toan chi phí trong gia đình và còn phụ giúp ông H lo chi phí để ông H làm vườn. Căn cứ vào Điều 27 quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng quy định “ *Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30.....; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của luật này*”. Việc bị đơn bà T vay tiền của nguyên đơn mục đích về để chi tiêu trang trải kinh tế trong gia đình là đúng nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn H liên đới cùng bà T có trách nhiệm trả số nợ chung phát sinh trong thời gian vợ chồng chung sống.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay 332.000.000đ là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, buộc bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 332.000.000đ là đúng quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí*: do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27, Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 332.000.000đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn H phải chịu 16.600.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.300.000đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016236 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

3. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LD;
- VKS huyện ĐD;
- THA dân sự huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Nhựt

